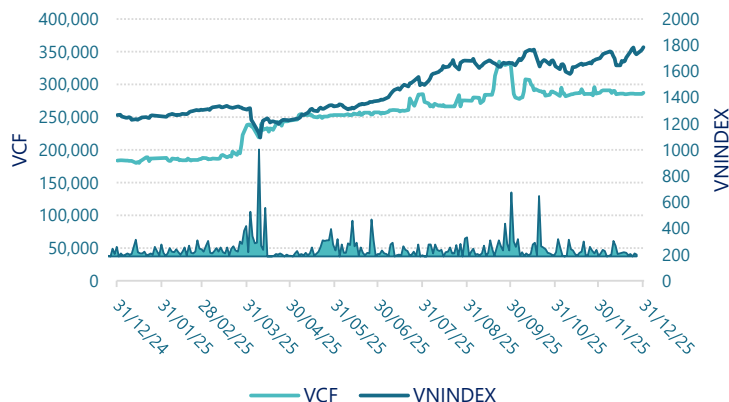




CTCP Vinacafé Biên Hòa (HSX: VCF)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	287,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	334,971
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	180,066
SL cổ phiếu LH	26,579,135
KLGD BQ 20 phiên (CP)	645
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7,636
P/E	14.7
EPS	19,482

DT thuần

Q4/25

907

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 361 | 66.1%

YoY: ▲ 18.0 | 2.0%

LN sau thuế

Q4/25

156

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 44.0 | 39.5%

YoY: ▼ 3.00 | -1.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

23.8%

+/- YoY: ▲ 1.7%

DT thuần

2025

2,761

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 205 | 8.0%

LN sau thuế

2025

518

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 72.0 | 16.0%

ROE

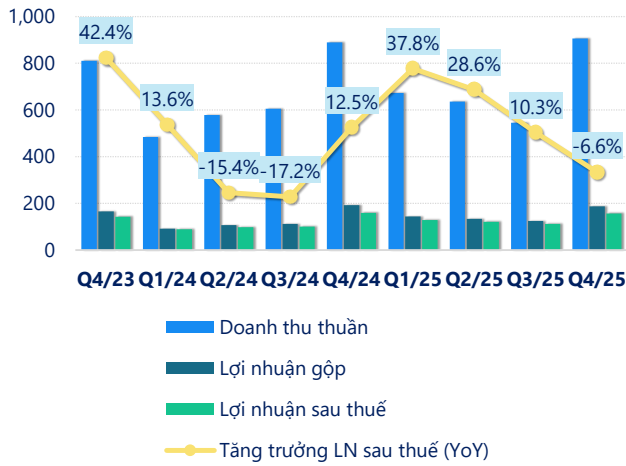
2025

34.2%

+/- YoY: ▲ 11.9%

tỷ VNĐ

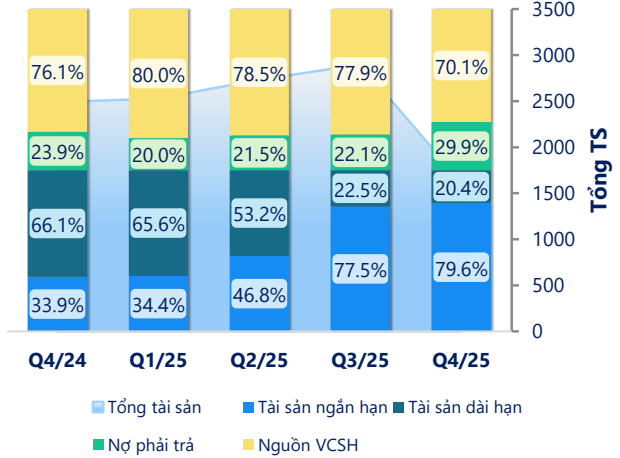
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

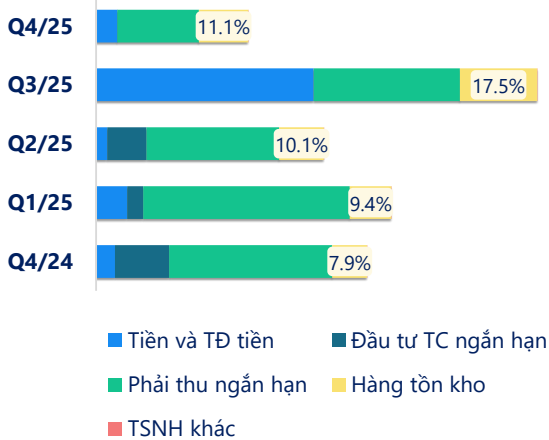
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



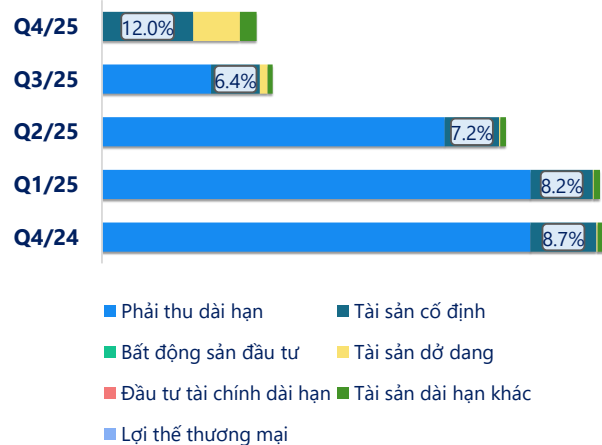
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

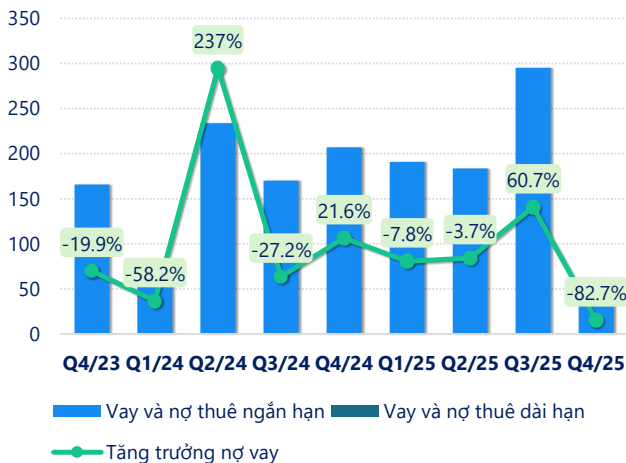
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

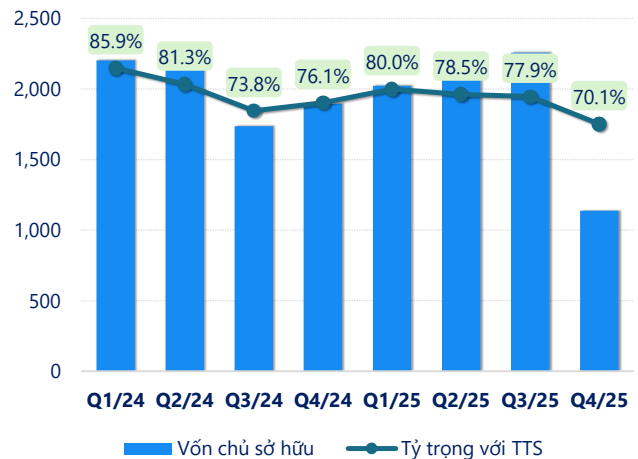
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

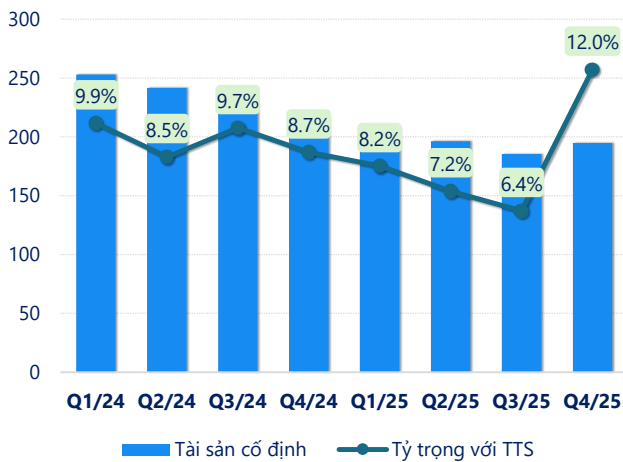

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

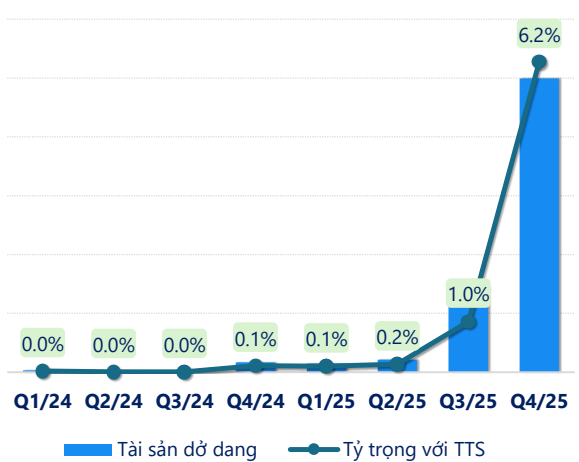

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

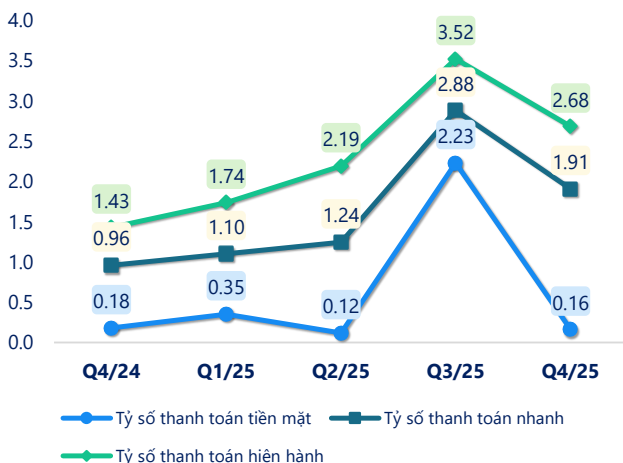
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

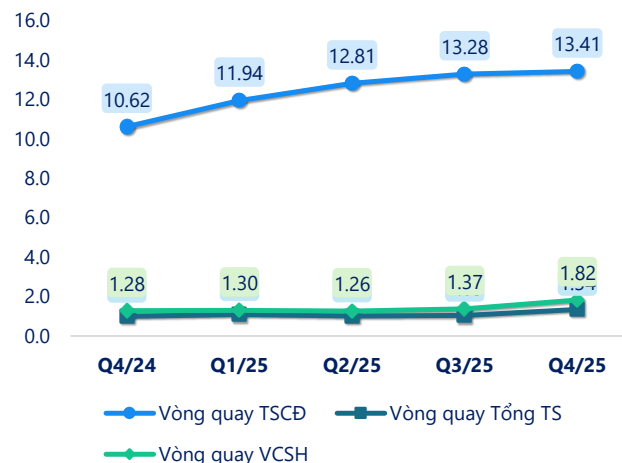
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	2,488	2,528	2,732	2,898	1,622
Tài sản ngắn hạn	843	871	1,279	2,246	1,292
Tiền và tương đương tiền	106	177	69.0	1,423	77.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.40	0.40	0.40	2.00	2.00
Phải thu ngắn hạn	457	372	654	412	838
Hàng tồn kho	277	319	553	408	373
Tài sản ngắn hạn khác	1.33	2.66	2.76	1.16	0.80
Tài sản dài hạn	1,646	1,658	1,453	652	330
Phải thu dài hạn	1,403	1,427	1,232	417	0.08
Tài sản cố định	217	207	196	186	195
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.32	3.00	4.31	29.2	99.8
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	22.4	21.0	19.7	20.3	35.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	594	505	588	642	485
Nợ ngắn hạn	589	501	584	638	481
Vay và nợ thuê ngắn hạn	207	191	184	295	51.2
Phải trả người bán ngắn hạn	239	212	252	185	262
Nợ dài hạn	4.33	4.25	4.28	4.12	4.11
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,895	2,023	2,144	2,256	1,137
Vốn chủ sở hữu	1,895	2,023	2,144	2,256	1,137
Vốn điều lệ	266	266	266	266	266
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)